

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HS-ST
Ngày 20 – 4 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Vũ Ngọc Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Giám

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1999, tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A, sinh năm 1969 và bà B, sinh năm 1967; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình và chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ ngày 28/12/2022, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện huyện Nhơn Trạch (Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

+ Ông **Lương Văn Th**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 6, thành phố T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 50 phút ngày 03 tháng 3 năm 2019, Phạm Văn T có giấy phép lái xe mô tô theo quy định điều khiển xe mô tô biển số 67 K1 – 656.74 chở phía sau M (sinh năm 2002, ngụ tại ấp P 1, xã P, huyện P, tỉnh An Giang) lưu thông trên đường Tôn Đức T theo hướng huyện L đi phà C. Khi đi đến Km 13 + 500 đường Tôn Đức T thuộc ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, T điều khiển xe lán sang phần đường bên trái để vượt một xe ô tô tải (chưa rõ biển số) thì xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 69N1 – 095.93 do anh Lương Văn Th (sinh năm 1964, ngụ tại khóm 8, TT. T, huyện T, tỉnh Cà Mau điều khiển lưu thông hướng ngược lại (C đi L) Tiếp đó, xe mô tô do T điều khiển tiếp tục va chạm vào đuôi xe mô tô biển số 62H1 – 064.71 do anh N (sinh năm 1969, ngụ tại ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Long An) điều khiển chở phía sau bà Lê Thị P (sinh năm 1957, ngụ tại số 456/14B. quốc lộ 62, thành phố T, tỉnh Long An) đang lưu thông cùng chiều phía trước. Hậu quả vụ tai nạn làm bà P bị thương tích gãy đầu ngoài xương đòn phải, gãy 1/3 dưới xương chày trái, gãy đốt I ngón 2 bàn chân phải, gãy đốt III ngón 5 bàn chân phải; ông Th bị thương tích gãy xương đòn phải, gãy xương sườn 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 bên phải, tràn khí màng phổi phải, cụt ngón III chân trái, còn T, M, và N bị thương tích nhẹ.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 11/12/2019 của Công an huyện Nhơn Trạch xác định:

Mốc hiện trường vụ tai nạn giao thông là trụ điện số 39/36 được ký hiệu (1) đến mép chuẩn là 4,5m, hiện trường ghi nhận các dấu vết sau:

- Xe mô tô biển số 69N1 – 095.93 được ký hiệu là (2) sau tai nạn xe ngã phía bên phải, đầu xe hướng về phà C. Hình chiếu tâm đầu trục bánh trước cách mép chuẩn 0,8 m và điểm mốc 9,4 m. Hình chiếu tâm đầu trục bánh sau cách mép chuẩn 0,8 m.

- Vết cày của xe mô tô 69N1 – 095.93 được ký hiệu là (3). Đầu vết cày đến mép chuẩn 2,0m. Độ dài là 9,5m, chiều hướng vết cày hướng phà C đi huyện L.

- Vết cày của xe mô tô 67K1 – 656.74 được ký hiệu là (4). Đầu vết cày đến mép chuẩn 4,5m và đến (3) là 42,9m. Độ dài là 14,75m, chiều hướng từ huyện L đi phà C. Điểm cuối vết cày (4) cách mép chuẩn 5,3m.

- Vết cày của xe mô tô 62H1 – 064.71 được ký hiệu là (5). Đầu vết cày đến mép chuẩn 5,3m và đến đầu (4) là 1,3m. Độ dài là 11,9m, chiều hướng từ huyện L đi phà C. Điểm cuối vết cày (5) cách mép chuẩn 6,75m.

- Vết máu nạn nhân được ký hiệu (6) kích thước 50 x 60. Điểm giữa (6) cách mép chuẩn 7,0m, đến (4) là 2,7m và đến (5) là 6,1m. (Bút lục: 95, 96).

Tại biên bản khám nghiệm xe mô tô biển số 67K1 – 656.74 hồi 19 giờ 45 phút ngày 03/3/2019 xác định có các dấu vết sau:

- Phần đầu đèn chiếu bị gãy rời bung ra ngoài.
- Phần vành ngoài mâm bánh xe phía trước bên trái có vết mài mòn.
- Phần trục trước bên trái có dấu vết mài mòn.
- Chấn bunn bánh xe phía trước bị gãy.
- Phần nhãn hiệu bằng thép ở phần đầu xe bị cong.
- Cần đạp số phía bên trái bị cong về sau.

- Phần gác chân sau bên trái bị gãy rời khỏi xe.
- Phần cùm tay lái bên trái bị mài mòn.
- Phần đầu chân chống đứng bên trái có dấu vết mài mòn.
- Phần mặt ngoài vành bánh xe phía trước có dấu vết ma sát cao su.
- Phần đầu ống xả có dấu vết mài mòn.
- Trục dưới gác chân sau bên phải có dấu vết mài mòn do va chạm.

Tại biên bản khám nghiệm xe mô tô biển số 62H1 – 064.71 hồi 19 giờ 21 phút ngày 03/3/2019 xác định có các dấu vết sau:

- Hộp xích bên trái bị móp có chiều hướng từ sau ra trước.
- Mặt ngoài hộp xích có dấu vết đen lốp xe.
- Bảng số phía sau phần mặt bên trái bị cong nứt có chiều hướng từ sau ra trước.
- Gác chân trước bên trái bị bung bọc ốp cao su.
- Chấn gió trước bên trái phía góc dưới bị bung khớp, bị gãy đoạn dưới cùng.
- Gác chân trước bên phải bị bung ốp cao su.
- Phần trục cùm tay lái bên phải bị bung rời khỏi xe.
- Tay thắng bên phải bị gãy rời đoạn đầu. (Bút lục: 115, 116).

Tại biên bản khám nghiệm xe mô tô biển số 69N1 – 095.93 hồi 18 giờ 51 phút ngày 03/3/2019 xác định có các dấu vết sau:

- Phần mặt nạ phía trước đầu xe bên phải bị trầy xước, mài mòn có chiều hướng từ trước về sau, từ trái qua phải.
- Đèn xi nhan bên phải phía trước bị bể vỡ, mài mòn có chiều hướng từ trước về sau, từ trái qua phải.
- Tay phanh trước bị mài mòn có chiều hướng từ trước về sau.
- Gác để chân bên trái bị cong có chiều hướng từ trước về sau.
- Giá để chân bên phải bị cong có chiều hướng từ trước về sau.

Tại bản kết luận giám định số 0624/TgT/2019 ngày 29/7/2019 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Lê Thị P là 34%.

Tại bản kết luận giám định số 0625/TgT/2019 ngày 31/7/2019 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Lương Văn Th là 41%.

Tổng tỷ lệ thương tật của ông Lương Văn Th và bà Lê Thị P là 75%.

Anh N và chị M do thương tích nhẹ nên đã làm đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tật và không yêu cầu T bồi thường về dân sự.

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bà P 2.500.000 đồng, bồi thường cho ông Th 4.000.000 đồng, người bị hại đã nhận tiền và không yêu cầu gì khác về dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận giám định nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 50/CT-VKS - NT ngày 03/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai truy tố Phạm Văn T về tội “Vi

phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Phạm Văn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình T đã bồi thường cho bà P 2.500.000 đồng, bồi thường cho ông Th 4.000.000 đồng. Bà P và ông Th không yêu cầu bồi thường thêm nên không đặt ra giải quyết.

- Xe mô tô biển số 69N1 – 095.93; xe mô tô biển số 62H1 – 064.71 đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 67 K1 – 656.74 do chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn T không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Nhơn Trạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị hại: Bị hại là bà Lê Thị P và ông Lương Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, các bị hại đã được bồi thường, đồng thời các bị hại đã có lời khai tại hồ sơ, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và việc vắng mặt các bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 292 bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người làm chứng, bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 15 giờ 50 phút ngày 03 tháng 3 năm 2019, tại Km 13 + 500 đường Tôn Đức T thuộc ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Phạm Văn T có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô biển số 67 K1 – 656.74 do không đi đúng phần đường quy định (lấn sang phần đường bên trái) nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 69N1 – 095.93 do anh Lương Văn Th đang điều khiển theo hướng ngược lại, rồi tiếp tục va chạm với xe mô tô biển số 62H1 – 064.71 do anh N điều khiển chở phía sau bà Lê Thị P đang lưu thông cùng chiều phía trước. Hậu quả vụ tai nạn làm ông Lương Văn Th và bà Lê Thị P bị thương tích.

Tại Kết luận giám định pháp y số 1325/GĐPY/06 ngày 19/10/2006 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận Nguyễn Văn Thát: Tỷ lệ thương tật toàn bộ là 31% tạm thời.

Tại Kết luận giám định pháp y số: 1367/GĐPY/06 ngày 26/10/2006 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận Lương Văn Th: Tỷ lệ thương tật toàn bộ là 41% tạm thời.

Hành vi nêu trên của Phạm Văn T đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định: “Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”, gây hậu quả nghiêm trọng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[3.2] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi bị cáo gây ra là nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng của người khác, đồng thời trong tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn hiện nay diễn biến phức tạp, số lượng người tham gia giao thông vi phạm tăng cao, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Sau khi gây án, bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án và thể hiện thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Vì vậy đối với bị cáo cần có một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm; Gia đình của bị cáo có công với cách mạng. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

[5] Xe mô tô biển số 69N1 – 095.93 và xe mô tô biển số 62H1 – 064.71 đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Đối với xe mô tô hiệu Suzuki Satria biển số 67 K1 – 656.74 do chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình T đã bồi thường cho bà P 2.500.000 đồng, bồi thường cho ông Th 4.000.000 đồng. Các bị hại đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường thêm nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 292, , 298, 299, 326, 327, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường, không yêu cầu gì thêm nên không xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAT, VKS tỉnh ĐN;
- VKS, CA,THA cùng cấp;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Vũ Ngọc Hiệp